

Xuân Hòa, ngày 27 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ lớp mẫu giáo 4 tuổi, năm học 2025 – 2026

Căn cứ Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ quyết định số 796/QĐ-UBND Tỉnh ngày 13 tháng 08 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai quyết định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025- 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Kế hoạch số 134 /KH - MN ngày 27/08/2025 Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 của trường MN số 1 Xuân Hòa;

Căn cứ vào kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ lớp ghép 3 tuổi Gia Mãi năm học 2024- 2025 và tình hình thực tế lớp 4 tuổi Gia Mãi năm học 2025 -2026.

Lớp 4 tuổi Gia Mãi xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Đánh giá thực trạng

1.1. Đặc điểm tình hình chung

- Tổng số 31 học sinh, trong đó : Nam 16 – nữ 15. 8 trẻ mới ra lớp.
- Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm 2024-2025 như sau:

+ Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ:

Trẻ PTBT về cân nặng : 19/23 trẻ đạt 82,6 %

Trẻ SDD nhẹ cân : 4/23 trẻ chiếm 17,4 %

Béo phì thừa cân: 1/23 trẻ chiếm 4,3%

Trẻ PTBT về chiều cao: 17/23 trẻ đạt 73,9 %

Trẻ SDD thấp còi : 6/23 trẻ chiếm 26,1 %

+ Chất lượng giáo dục trẻ :

Trẻ đạt yêu cầu: 23 trẻ đạt 100%

Trẻ chưa đạt yêu cầu : 0 trẻ chiếm 0%

1.2. Thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi:

- Trường lớp khang trang, sạch sẽ, an toàn, thoáng mát, phòng học đầy đủ ánh sáng, được trang bị đầy đủ bàn ghế phù hợp với lứa tuổi. Có đủ trang thiết bị, đồ dùng – đồ chơi phục vụ cho việc học tập và vui chơi của trẻ.

- 2/2 Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn. Nhiệt tình, yêu nghề, yêu trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Có kỹ năng sư phạm tốt, linh hoạt trong các phương pháp giảng dạy phù hợp với lứa tuổi, thường xuyên cập nhật kiến thức, phương pháp giáo dục mới trong giảng dạy.

- Trẻ ngoan ngoãn, mạnh dạn, tự tin, có khả năng nhận thức tốt, ham học hỏi và thích khám phá. Phần lớn trẻ có kỹ năng tự phục vụ cơ bản, phối hợp tốt với cô và bạn bè trong các hoạt động.

- Đa số phụ huynh quan tâm, tích cực trong công tác phối hợp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại lớp.

* Khó khăn

- Lớp học không có phòng ăn, phòng ngủ riêng, gây khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt, ăn nghỉ theo đúng chế độ cho trẻ. Trẻ phải ăn ngủ ngay tại phòng học, ảnh hưởng đến vệ sinh và không gian học tập.

- Đồ dùng, đồ chơi được cấp phát còn thiếu so với nhu cầu sử dụng; nhiều đồ chơi, học liệu tự làm chưa đảm bảo quy cách, độ bền và tính an toàn, gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động học và chơi hiệu quả cho trẻ. Không có nhà kho để cất giữ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, dẫn đến tình trạng thiếu chỗ để bảo quản và sắp xếp gọn gàng, dễ gây hư hỏng và ảnh hưởng đến thẩm mỹ lớp học.

- Lớp có một số trẻ suy dinh dưỡng, sức khỏe yếu, thể lực kém, dễ mệt mỏi và hay ốm, ảnh hưởng đến khả năng tham gia hoạt động, quá trình học tập cũng như gây khó khăn cho giáo viên trong việc tổ chức chế độ chăm sóc – giáo dục phù hợp nếu thiếu sự phối hợp từ phụ huynh.

- Nhận thức của trẻ không đồng đều, lớp có một số trẻ là người dân tộc thiểu số mới ra lớp, còn rụt rè, hạn chế trong giao tiếp tiếng Việt, dẫn đến khó

khăn trong việc tiếp nhận kiến thức, hòa nhập với môi trường lớp học và tham gia các hoạt động chung.

- Một số phụ huynh đi làm ăn xa, ít có điều kiện quan tâm, phối hợp với giáo viên trong công tác chăm sóc – giáo dục trẻ, ảnh hưởng đến sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường trong việc theo dõi, hỗ trợ quá trình phát triển của trẻ.

2. Mục tiêu chung

- Trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm... Trẻ ăn đúng thực đơn theo ngày, ăn hết xuất.

- Trẻ đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

- Trẻ được khám, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định.

- Trẻ có thói quen tốt thực hiện có nề nếp

- 100 % trẻ phát triển bình thường về cân nặng chiều cao

- Trẻ được thực hiện đầy đủ nội dung đạt các mục tiêu trong chương trình giáo dục mầm non.

3. Mục tiêu cụ thể và nội dung

3.1 Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung
A. TỔ CHỨC ĂN	1. Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: 2. Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.	+ <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng</i>

	lượng cả ngày. + <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Đủ nước uống cho trẻ theo quy định : khoảng 1,6 - 2 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn) - Xây dựng thực đơn ngày, tuần, tháng. Thực đơn thay đổi theo tuần, mùa, các món ăn chế biến đa dạng thực phẩm phong phú, đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ.
B. TỔ CHỨC NGỦ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).
C. VỆ SINH	- Vệ sinh cá nhân. - Trẻ có thói quen vệ sinh, ăn uống tự phục vụ. Trẻ có kỹ năng rửa tay trước và sau khi ăn. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Cảnh quan môi trường trong và ngoài lớp học xanh, sạch, đẹp. - Môi trường lớp học thông thoáng, sạch sẽ và có đủ ánh

		sáng.
D. CHĂM SÓC, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN	- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Trẻ được cân đo chắt biểu đồ chính xác theo dõi quá trình phát triển theo quý 3 lần/năm. - Xây dựng kế hoạch phục hồi SDD, béo phì cho những trẻ SDD, béo phì theo từng tháng. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng...tại trường và thông báo kịp thời với các cấp quản lý khi có dịch bệnh xảy ra. - Đảm bảo an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp, vệ sinh môi trường phòng chống cháy nổ.

3.2 Giáo dục

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
Phát triển thể chất	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.	- Theo dõi biểu đồ tăng trưởng, cân nặng và chiều cao trẻ phát triển bình thường theo lứa tuổi * Phát triển vận động 1. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay:

		+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 80-100m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m.
	- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.	

	+ Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua công, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. 3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gấp giấy.
	- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

	- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.	- Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, <i>đồ theo nét</i>, vẽ hình. - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây. * Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. 1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (<i>Cay nóng</i>, ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. <i>Không xem tivi, điện thoại trong khi đang ăn, uống.</i> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi
--	---	--

		trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số hiểu biết ban đầu về sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau	* Khám phá khoa học. 1. Các bộ phận của cơ thể con người - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. 2. Đồ vật - Đồ dùng, đồ chơi: + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng (<i>Giữ gìn</i>) đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Phương tiện giao thông: Đặc điểm, công dụng của một số

Phát triển nhận thức	(bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.	phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. 3. Động vật và thực vật - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 4. Một số hiện tượng tự nhiên - Thời tiết, mùa: Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng: Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Nước: + Các nguồn nước trong môi trường sống; + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây; + Một số tính chất của nước; + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, ánh sáng: Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
------------------------------------	--	--

	- Đất đá, cát, sỏi: Một vài tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * Khám phá xã hội: 1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ; <i>quy mô gia đình(gia đình nhỏ, gia đình lớn). Mỗi quan hệ họ hàng trong gia đình(ông, bà, cô, dì, chú, bác bên nội bên ngoài).</i> Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. <i>Số điện thoại của bố (mẹ)</i> - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. * Một số nghề trong xã hội: Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến của địa phương <i>và 1 số nghề trong xã hội.</i> * Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa: Đặc điểm nổi bật của di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán 1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm:
	- Một số khái niệm sơ đẳng về toán.

		- Đếm trên đôi tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Gộp các nhóm đôi tượng và đếm. - Tách một nhóm đôi tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...). 2. Xếp tương ứng: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. 3. So sánh sắp xếp theo quy tắc: So sánh, phát hiện và sắp xếp theo quy tắc. 4. Đo lường: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. 5. Hình dạng: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo yêu cầu và theo ý thích. 6. Định hướng trong không gian và thời gian: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía
--	--	--

		trên - phía dưới; phía phải - phía trái) - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
Phát triển ngôn ngữ	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.	1. Nghe - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 2. Nói - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.

	- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.	- Đóng kịch - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. 3. Làm quen với đọc, viết - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái. (10-15 chữ cái) - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	1. Phát triển tình cảm. - Ý thức về bản thân: + Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh: + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức

	giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. + Kính yêu Bác Hồ. + Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 2. Phát triển kỹ năng xã hội: - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội + <i>Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.</i> + Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. + Chờ đến lượt, hợp tác. + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. + Quan tâm, giúp đỡ bạn. + Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu”. - Quan tâm đến môi trường. + Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) + Tiết kiệm điện, nước. + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Phát triển thẩm mỹ	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật,

	trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp	hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. 2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. 3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật: - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
--	---	--

		- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình
--	--	--

4. Dự kiến các Chủ đề và thời gian thực hiện các chủ đề trong năm học

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
	Dạy nề nếp	Từ 27/8-06/9
Trường mầm non	- <i>Nhánh 1: Trường mầm non của bé</i> - <i>Nhánh 2: Lớp học của bé</i> - <i>Nhánh 3: Đồ dùng lớp học</i>	3 Tuần: 08/09-26/09/2025 - <i>Tuần 1: Từ 08/9-12/9</i> - <i>Tuần 2: Từ 15-19/9</i> - <i>Tuần 3: Từ 22/9 -26/9</i>
Bản thân	- <i>Nhánh 1: Bé là ai ?</i> - <i>Nhánh 2: Bé vui tết trung thu</i> - <i>Nhánh 3: Cơ thể của bé</i> - <i>Nhánh 4: Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh</i>	4 Tuần: 29/09 - 24/10/2025 - <i>Tuần 4: Từ: 29/09 -03/10</i> - <i>Tuần 5: Từ:06/10 - 10/10</i> - <i>Tuần 6: Từ: 13/10 -17/10</i> - <i>Tuần 7: Từ: 20/10 -24/10</i>
Gia đình	- <i>Nhánh 1: Gia đình bé</i> - <i>Nhánh 2: Ngôi nhà gia đình bé</i> - <i>Nhánh 3: Đồ dùng trong gia đình bé</i> - <i>Nhánh 4: Họ hàng trong gia đình bé (Ngày nhà giáo VN 20/11)</i>	4 Tuần: 27/10 - 21/11/2025 - <i>Tuần 8: Từ 27/10 - 31/10</i> - <i>Tuần 9: Từ : 03/11 - 07/11</i> - <i>Tuần 10: Từ: 10/11 - 14/11</i> - <i>Tuần 11: Từ: 17/11- 21/11</i>

Nghề nghiệp	- Nhánh 1: Một số nghề phổ biến quen thuộc. - Nhánh 2: Nghề xây dựng - Nhánh 3: Nghề dịch vụ - Nhánh 4: Nghề sản xuất - Nhánh 5: Ngày Quân đội nhân dân Việt Nam	5 Tuần: 24/11- 26/12/2025 - Tuần 12: Từ 24/11- 28/11 - Tuần 13: Từ 01/12- 05/12 - Tuần 14: Từ: 08/12-12 - Tuần 15: Từ: 15/12-19/12 - Tuần 16: Từ: 22/12- 26/12
Phương tiện giao thông	- Nhánh 1: Một số PTGT đường bộ và luật lệ giao thông - Nhánh 2: Một số PTGT đường thủy - Nhánh 3: Một số PTGT đường sắt, hàng không	3 Tuần: 29/12 - 16/01/2026 - Tuần 17: Từ 29/12-02/01 - Tuần 18: Từ 05/01-09/01 - Tuần 19: Từ: 12/01-16/01
Thế giới thực vật	- Nhánh 1: Một số loại cây. - Nhánh 2: Một số loại rau, quả. - Nhánh 3: Tết và Mùa xuân - Nghỉ tết Nguyên Đán - Nhánh 4: Một số loại cây lương thực. - Nhánh 5: Một số loại hoa + Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.	5 Tuần: 19/01- 06/03/2026 - Tuần 20: Từ: 19/01-23/01 - Tuần 21: Từ 16/01- 30/01 - Tuần 22: Từ: 02/02- 06/02 - (Nghỉ tết 09-20/02/2025) - Tuần 23 : Từ 23/02- 27/02 - Tuần 24: Từ 02/03 - 06/03
Thế giới động vật	- Nhánh 1: Động vật nuôi trong gia đình - Nhánh 2: Động vật sống trong rừng. - Nhánh 3: Động vật sống dưới nước. - Nhánh 4: Côn trùng và Chim	4 Tuần: 09/3 - 03/04/2026 - Tuần 25: Từ 09/03 - 13/03 - Tuần 26: Từ 16/3 -20/3 - Tuần 27: Từ 23/3 - 27/3 - Tuần 28: Từ: 30/3 -03/04

Nước và hiện tượng tự nhiên	- <i>Nhánh 1: Sự kỳ diệu của nước đất, đá, sỏi, cát.</i> - <i>Nhánh 2: Một số hiện tượng thời tiết.</i> - <i>Nhánh 3: Các mùa trong năm.</i>	3 Tuần: 06/4 – 24/04/2026 - <i>Tuần 29:</i> Từ : 06/04 - 10/4 - <i>Tuần 30:</i> Từ : 13/4 - 17/4 - <i>Tuần 31:</i> Từ : 20/4 -24/4
Quê hương đất nước Bác Hồ	- <i>Nhánh 1: Bản làng em</i> - <i>Nhánh 2: Quê hương yêu quý.</i> - <i>Nhánh 3: Đất nước diệu kỳ.</i> - <i>Nhánh 4: Bác Hồ và các cháu thiếu nhi.</i>	4 Tuần: 27/04 - 22/5/2026 - <i>Tuần 32:</i> Từ : 27/4 - 01/5 - <i>Tuần 33:</i> Từ : 04/5 - 08/5 - <i>Tuần 34:</i> Từ : 11/5 - 15/5 - <i>Tuần 35:</i> Từ 18/5- 22/5

5. Nhiệm vụ, giải pháp

5.1. Nhiệm vụ

100% trẻ được đảm bảo sức khỏe, an toàn và chế độ dinh dưỡng tại lớp.

Đổi mới hoạt động giáo dục, phát triển toàn diện cho trẻ theo chương trình GDMN

Phối hợp với phụ huynh và cộng đồng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

5.2. Giải pháp

Theo dõi sức khỏe định kỳ, cân đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng và kịp thời tư vấn phụ huynh khi có dấu hiệu bất thường. Duy trì vệ sinh lớp học, đồ dùng cá nhân, đồ chơi sạch sẽ, khử khuẩn định kỳ; rèn trẻ thói quen giữ vệ sinh cá nhân.

Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ về kỹ năng bảo vệ sức khỏe: rửa tay đúng cách, che miệng khi ho, không ăn quà vặt ngoài cổng trường. Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để nắm bắt tình hình sức khỏe, chế độ ăn uống và giấc ngủ của trẻ tại gia đình.

Bám sát chương trình GDMN sửa đổi, bổ sung của Bộ giáo dục và đào tạo xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần phù hợp với đối tượng học sinh của lớp.

Học tập bồi dưỡng chuyên môn và ứng dụng CNTT trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giờ dạy. Học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với giáo viên cùng lớp, tổ chuyên môn về công nghệ thông tin.

Đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ em làm trung tâm, phát huy tính tích cực của trẻ. Lồng ghép thể EL, EM, Steam theo quy trình 5E, quy trình EDP.

Tham gia đầy đủ các hội thi, hội thảo do ngành tổ chức.

Thực hiện chuyên đề TCTV cho trẻ, giúp trẻ tự tin trong giao tiếp, thường xuyên giao tiếp với trẻ hàng ngày trên lớp.

Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học trước khi thực hiện các hoạt động cho trẻ.

Tích cực làm đồ dùng đồ chơi bằng những nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương, trang trí theo chủ đề chủ điểm.

Thường xuyên trao đổi với phụ huynh qua giờ đón – trả trẻ, nhóm Zalo/lớp học điện tử để thống nhất biện pháp chăm sóc – giáo dục. Tổ chức họp phụ huynh định kỳ, chuyên đề tư vấn về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, kỹ năng nuôi dạy trẻ tại gia đình.

Huy động sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động trải nghiệm, lễ hội, tham quan, tạo cơ hội gắn kết gia đình – nhà trường. Xây dựng góc tuyên truyền tại lớp học (bảng tin, tranh ảnh, khẩu hiệu) giúp phụ huynh nắm bắt thông tin về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trên đây là kế hoạch thực hiện chương trình theo năm học 2025 - 2026 của lớp mẫu giáo 4 tuổi Gia Mãi trường Mầm non số 1 Xuân Hòa.

Nơi nhận:

- BGH;
- Lưu: BGH; TCM; Lớp 4TGM

NGƯỜI XÂY DỰNG



Vàng Thị Phương



Lâm Thu Vân

XÁC NHẬN CỦA NHÀ TRƯỜNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Minh